TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS-PT
Ngày: 28-02-2019
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Công Thi**
Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**
Ông **Phạm Việt Cường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Thế Vinh** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 201/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ông **Nguyễn Phước C** và bà **Lê Thị H.**

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Sỹ H1**; địa chỉ: Thôn X, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông **Trần Xuân H2** và bà **Nguyễn Thị T.** Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình do ông Phạm Quang L1, Chủ tịch UBND thị xã B đại diện.

Đại diện theo ủy quyền: ông **Trần Thanh T1** - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã B. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Trương Văn L** và bà **Phạm Thị Th**; địa chỉ: Số 243 đường Quang Trung, khu phố 2, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2018, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Phước C và bà Lê Thị H trình bày:

Theo Quyết định số 388/QĐ-UB ngày 13/5/1993 của UBND huyện Quảng Trạch ông C bà H được cấp thửa đất số 43 tờ bản đồ số 10 mang tên bà Lê Thị H (thửa đất hiện tại có địa chỉ Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) có kích thước và vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp nhà ông Huỳnh có chiều dài 7,5 m, phía Tây giáp đường vào chợ có chiều dài 7,5 m, phía Nam giáp đường 7,5 m vào chợ có chiều dài 16 m, phía Bắc giáp nhà ông Thắng có chiều dài 16 m. Tổng diện tích 120 m^2.

Tháng 10/1999 ông C bà H chuyển nhượng cho ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Th với diện tích có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp nhà H - C có chiều dài 16 m, phía Nam giáp đường quy hoạch 7,5 m có chiều dài 16 m, phía Đông giáp mương thoát nước có chiều dài 3,75 m, phía Tây giáp đường vào chợ có chiều dài 3,75 m. Ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009, ông L và bà Th đã chuyển nhượng cho ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T thửa đất nói trên. Năm 2011, khi ông H2 bà T xây cất nhà đã ngang nhiên đập phá tường gây nứt tường, sụt nền nhà của ông C bà H. Tổng thiệt hại vợ chồng ông H2 bà T gây ra là 50.000.000 đồng. Vụ việc đã được UBND phường B giải quyết và tại buổi làm việc ở phường, ông C bà H mới phát hiện việc chuyển nhượng đất của ông bà cho ông L và bà Thư trước đây chiều dài Bắc Nam là 3,75 m nhưng hồ sơ kỹ thuật thửa đất của ông H2 bà T lại thể hiện mặt tiền Bắc Nam là 4,18 m. Vì vậy ông C, bà H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông H2, bà T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông C bà H số tiền 50.000.000 đồng và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 2,08 m^2 (mặt tiền phía Tây 0,22 m, chiều sâu 16 m và phía Đông là 0,05 m) đồng thời tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T có số hiệu AQ 014184, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00121 ngày 31/7/2009 do UBND huyện Quảng Trạch cấp. Ngoài ra, ông C, bà Hoá còn trình bày, cùng với viêc chuyển nhượng mặt tiền 3,75 m, sâu 16 m thì ông bà còn chuyển nhượng một nhà cấp bốn tường xây bao quanh. Ông bà cho rằng, khi chuyển nhượng cho vợ

chồng Thu, Lộc việc đo đất có bà chứng kiến, đo 3,75 m tính từ đường giao thông phía Nam sang. Theo đó, bức tường nhà Thu - Lộc nằm trên phần đất của bà nên thuộc của bà.

Bị đơn ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T tại bản tự khai và tại phiên hòa giải ngày 21/5/2018 trình bày:

Ông H2 bà T mua lại đất của ông L và bà Th theo đúng diện tích trong thẻ đỏ, ông bà không biết đất của ông C bà H như thế nào nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C bà H.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Th đã được tống đạt giấy triệu tập nhưng từ chối nhận, vắng mặt tại các buổi làm việc và vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà, không có ý kiến về việc kiện của ông C, bà Hoá.

Ủy ban nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình tại các phiên hòa, giải đều vắng mặt. Ngày 17/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được giấy ủy quyền, đơn đề nghị và các tài liệu chứng cứ do UBND thị xã B cung cấp (Quyết định số 388/QĐ-UB ngày 03/5/1993, Hợp đồng dân sự việc mua bán nhà và đất ở giữa ông Nguyễn Phước C và bà Lê Thị H với ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Th, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trương Văn Lộc và bà Phạm Thị Th, hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Th với ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T, Hồ sơ kỹ thuật hai thửa đất của C - H và thửa đất của Th- L sau này chuyển nhượng cho H2 - T).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không thấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước C và bà Lê Thị H buộc ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng và trả lại diện tích đất đã lấn chiếm 2,08 m^2 đồng thời tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T có số hiệu AQ014184, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00121 ngày 31/7/2009 do UBND huyện Quảng Trạch cấp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2018, nguyên đơn – ông Nguyễn Phước C, bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Hoàng Sỹ H1 có đơn kháng

cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm số: 13/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Sỹ H1 đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phước C, bà Lê Thị H giữ nguyên kháng cáo. Ông H1 trình bày: Ông Nguyễn Phước C và bà Lê Thị H khởi kiện về việc buộc ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T trả lại 2,08 m^2 đất, yêu cầu bồi thường một số tài sản bị thiệt hại khi ông H2 và bà T xây dựng lại nhà cửa trị giá 50.000.000đ, đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có số hiệu AQ 014184, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00121 ngày 31/7/2009 do UBND huyện Quảng Trạch cấp cho ông H2 bà T, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết theo các nội dung khởi kiện nêu trên mà chỉ xác định lại toàn bộ diện tích trên hai thửa đất và cho rằng không có sự lấn chiếm đất, không chấp nhận yêu cầu bồi thường về thiệt hại tài sản và không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H là không đúng quy quy định pháp luật. Nay ông H1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 đề nghị tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau, do chưa cung cấp được chứng cứ để chứng minh đối với nội dung khởi kiện này.

Phía bị đơn ông Trần Xuân H2 bà Nguyễn Thị T và đại diện UBND thị xã B có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của ông C, bà H và ông H1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Phước C, bà Lê Thị H và ông Hoàng Sỹ H1. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Phước C và bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án sơ thẩm xem xét 03 nội dung:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T trả lại 2,08 m^2 đất, buộc ông H2 bà T phải bồi thường 50.000.000 đồng do ông H2, bà T xây dựng nhà gây sụt lún, nứt tường, hư hỏng nhà, cắt cụt một số đòn tay, làm cho nước chảy vào nhà gây chập điện làm hư hỏng một số tài sản. Đồng thời ông C

bà H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AQ 014184 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00121 ngày 13/7/2009 do UBND huyện Quảng Trạch (nay là thị xã B) tỉnh Quảng Bình cấp cho ông H2, bà T.

[1]. Xem xét nội dung khởi kiện và kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc ông H2, bà T trả lại 2,08 m^2. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Quyết định số 388/QĐ-UB ngày 03/5/1993 của UBND huyện Quảng Trạch đã cấp cho bà Lê Thị H 120 m^2 (chiều rộng 7,5 m, chiều dài 16 m) tại thửa số 43 tờ bản đồ số 10, thị trấn B, tỉnh Quảng Bình. Đến năm 1999, ông C bà H chuyển nhượng lại cho ông Trương Văn L và bà Phạm Thị Th 60 m^2 có chiều rộng mặt tiền 3,75 m, chiều dài 16 m. Như vậy ông H2, bà H còn lại diện tích 60 m^2, nhưng thực tế về hiện trạng bà H, ông C cũng như ông L, bà Th đều sử dụng lớn hơn so với diện tích đất được cấp theo Quyết định 388/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch. Theo lời khai bà H sử dụng 128 m^2, theo trích lục bản đồ địa chính do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B cấp (BL.86) do Giám đốc Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quảng Trạch ký ngày 31/8/2009 tại số thửa 35, tờ bản đồ số 33, thị trấn B (phía đất ông L bà Th nhận chuyển nhượng của ông C bà H có kích thước các cạnh như sau: Điểm 1-2=14,4 m; Điểm 3-4=14,4 m; Điểm 2-3 mặt trước 4,18 m; Điểm 4-1 mặt sau 4,18 m (mặt tiền, mặt hậu đều có chiều rộng là 4,18 m).

Căn cứ hồ sơ kỹ thuật thửa đất (tại các BL.88- 89) cũng do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã B cung cấp được đo đạc từ năm 2002 thửa đất số 35 nói trên của ông Trương Quang L bà Phạm Thị Th sử dụng đất có diện tích 78,6 m^2 (có kính thước chiều dài 18,82 m, chiều rộng trước sau đều 4,18 m). Thửa đất số 34 tờ bản đồ số 33 của bà Lê Thị H sử dụng có diện tích 73,9 m^2 (có kính thước chiều dài 18,82 m, chiều rộng trước sau đều 3,93 m). Bà H đã ký xác nhận tại hồ sơ này. Đến năm 2011 ông L, bà Th chuyển nhượng nhà, đất lại cho ông H2, bà T thì vẫn giữ nguyên hiện trạng nhà đất như cũ. Qua xem xét, thẩm định của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch cũng như Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thì hiện trạng sử dụng đất của ông H2 bà T và ông C, bà H có mặtt tiền đều lớn hơn 3,75 m (BL.134-135).

[2]. Như vậy, tuy theo hồ sơ chuyển nhượng giữa ông C bà H với ông L bà Th, giữa ông L bà Th với ông H2 bà T thì diện tích chỉ có 60 m^2 (chiều dài 16 m, chiều rộng 3,75 m) nhưng hiện trạng thực tế sử dụng nhà, đất giữa những người nêu trên là lớn hơn so với giấy tờ.

Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AC 905088 của ông Nguyễn Phước C, bà Lê Thị H theo giấy tờ cũng chỉ 60 m^2 nhưng thực tế cũng lớn hơn giấy tờ 13,9 m^2 (73,9 m^2 - 60 m^2 = 13,9 m^2).

Do vậy, không có căn cứ xác định ông H2 bà T đã lấn chiếm đất 2,08 m^2 đất của ông C bà Hoá. Bản án sơ thẩm đã bác nội dung khởi kiện của ông C, bà

H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Từ nhận định trên cho thấy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 14184 ngày 31/7/2009 do UBND huyện Quảng Trạch cấp cho ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T là đúng với hồ sơ nhận chuyển nhượng đất, diện tích chỉ có 60 m^2, việc sử dụng đất theo đúng hiện trạng nhận chuyển nhượng của ông L, bà Th. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện hủy quyết định hành chính cá biệt của ông C, bà H là có căn cứ.

[3]. Xem xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với khoản tiền đòi bồi thường thiệt hại tài sản do đập phá bức tường, gây sụt lún bức tường nhà, cắt hụt một số đòn tay, làm nước đổ vào nhà gây chập, cháy hệ thống điện và làm hư hỏng một số tài sản trị giá 50.000.000 đồng của ông C bà H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Theo hợp đồng chuyển nhượng nhà đất giữa ông C bà H với ông L bà Th cũng như hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L bà Th với ông H2 bà T đều thể hiện tài sản là một ngôi nhà cấp 4 có xác định tứ cận. Không có tài liệu nào thể hiện ngôi nhà cấp 4 chỉ có 03 bức tường như lời khai của bà Lê Thị H. Do vậy, có căn cứ xác định bức tường nhà ông H2 bà T tháo dỡ thuộc ngôi nhà cấp 4 giữa các bên đã xác định trong hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L bà Th với ông H2 bà T.

Đối với việc nứt tường, sụt lún nhà, cắt đòn tay, làm cho nước vào nhà gây chập điện làm hư hỏng tài sản, mặc dù bà H có cung cấp 21 tấm ảnh nhưng do hiện trạng nhà của ông C, bà H đã được xây dựng lại từ năm 2014, qua xem xét, thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xác định được sự hư hỏng nhà và thiệt hại tài sản. Tại biên bản làm việc ngày 04/11/2014 của UBND phường B cũng chỉ ghi lại lời phản ánh của bà H. Quá trình xét xử sơ thẩm, phúc thẩm bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thêm. Do vậy, tại Bản án sơ thẩm đã xác định bà H, ông C không chứng minh được sự thiệt hại và đã bác yêu cầu đòi bồi thường là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Việc ông Hoàng Sỹ H1 xin tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại để giải quyết sau là không đúng pháp luật, không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về tố tụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 14184 do UBND huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 31/7/2009 cho ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T đang được ông H2 bà T thế chấp bằng quyền sử dụng đất thửa số 35 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng thế chấp số 01/2014/531696/HĐBD ngày 28/01/2014, hồ sơ số 2335 (BL. 67-68 và tài liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Bắc Quảng Bình cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm). Quá trình xét xử sơ thẩm Tòa án đã không xác định và đưa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, chi nhánh Bắc Quảng Bình vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại

Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, về nội dung Bản án sơ thẩm và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không bị xâm phạm. Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tại phần nội dung của Bản án sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ các quan hệ pháp luật như tranh chấp quyền sử dụng đất, đòi bồi thường tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tại phần trích yếu của Bản án sơ thẩm không ghi đầy đủ quan hệ pháp luật Tòa án đã thụ lý, giải quyết là thiếu sót. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị H và ông Nguyễn Phước C, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm, do không chấp nhận kháng cáo nên ông C bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Phước C, bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà H là ông Hoàng Sỹ H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ khoản 6, khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 157, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 98, 99, 100,166, 170, 203 Luật đất đai 2013; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

Xử: Không thấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước C và bà Lê Thị H về việc buộc ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T trả lại diện tích đất 2,08 m^2, đòi bồi thường thiệt hại số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu: AQ014184, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00121 ngày 31/7/2009 do UBND huyện Quảng Trạch cấp cho ông Trần Xuân H2 và bà Nguyễn Thị T.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án. Ông C, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông C, bà H đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004547 ngày 19/9/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Công Thi